

Bản án số: 87/2026/HS-PT
Ngày 14-4-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Giang

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Vân Thúy

Ông Nguyễn Quang Kiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hồng Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 86/2026/TLPT-HS ngày 19 tháng 3 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2026/QĐXXPT-HS ngày 02 tháng 4 năm 2026 đối với bị cáo Lê Thị Kim O, do có kháng cáo của bị hại bà Nguyễn Thị L đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 33/2026/HS-ST ngày 05 tháng 2 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hải Phòng.

- Bị cáo:

Lê Thị Kim O, sinh ngày 26 tháng 10 năm 1961; Số CCCD: 031161005375; nơi cư trú: Số B Đ, phường H, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị M (đã chết); có chồng là Lê Trung B (đã ly hôn, đã chết) và 02 con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/10/2025; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Thị Kim O: Ông Hoàng Mạnh H - Luật sư Công ty L1 - Đoàn Luật sư thành phố H; có mặt.

- Bị hại có kháng cáo: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1947; Số CCCD: 031147007987; nơi cư trú: Số D Đ, phường H, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bà Nguyễn Thị L cho bà Hoàng Thị U (tên gọi khác là T, sinh năm 1965; nơi cư trú: Số C T, phường K, thành phố Hải Phòng) thuê khu vực trước cửa nhà bà L tại số D Đ, phường H, thành phố Hải Phòng để bán thịt lợn. Quá trình bán hàng gây ồn ào trước cửa nhà Lê Thị Kim O ở ngay bên cạnh nhà bà L nên xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi nhiều lần giữa O với bà U và bà L. Đến khoảng 08 giờ ngày 30/6/2025, khi thấy bà U vẫn bán thịt lợn gây ồn ào, O yêu cầu bà L không cho bà U thuê địa điểm nữa nhưng bà L không đồng ý, hai bên cãi nhau. Bà L đứng trước cửa nhà số D Đ, dùng dép giơ về phía O thì O tiến lại gần, túm tay trái bà L, lôi kéo để giật chiếc dép. Cả hai giằng co, lôi kéo nhau vào phía bên trong nhà số D Đ. Khi hai bên giằng co nhau qua cửa, vào trong nhà thì O tiếp tục kéo giật bà L ngã ngồi, chống tay trái xuống đất. O giật chiếc dép trong tay bà L vứt đi, mọi người xung quanh vào can ngăn thì O bỏ về. Bà L đi bệnh viện kiểm tra, được xác định bị trật khớp vai trái.

Ngày 01/7/2025, anh Nguyễn Thế H1 (sinh năm 1992, cháu của bà L) đến Công an phường H trình báo và giao nộp 01 USB chứa đoạn video ghi lại diễn biến sự việc, được trích xuất từ camera an ninh của nhà bà L. Ngày 06/8/2025, bà L có đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự đối với O.

Kết luận giám định số 625/2025/KLTTCT-TTPYHP ngày 24/9/2025 của Trung tâm pháp y thành phố H kết luận về thương tích của bà L như sau: “Nạn nhân bị chấn thương vào vùng vai trái gây trật khớp vai trái, đứt cơ trên gai vai trái. Đã được nắn lại khớp vai trái và điều trị thuốc. Hiện thương tích đã tạm thời ổn định nhưng còn hạn chế vận động mọi tầm khớp vai trái. Căn cứ Thông tư 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Thị L do chấn thương khớp vai trái gây nên tại thời điểm giám định là 13%”.

Kết luận giám định số 2971/KL-KTHS ngày 15/10/2025 của Phòng K – Công an thành phố H kết luận đối với đoạn video trích xuất từ camera an ninh của nhà bà L: “01 tập tin video có phần mở rộng “mp4”, dung lượng 4.92 MB ... được lưu trong USB nhãn hiệu SanDisk đã qua sử dụng (ký hiệu A) không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh.”

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng: 01 phong bì niêm phong bên trong có 01 USB chứa video liên quan đến vụ việc chuyển kèm hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi xảy ra sự việc, O đã nhiều lần chủ động đến xin lỗi và đề nghị bồi thường cho bị hại nhưng bà L từ chối. Ngày 05/12/2025, bị cáo mở sổ tiết kiệm 50.000.000 đồng tại Ngân hàng TMCP K1 và chuyển cho người bào chữa là luật sư Hoàng Mạnh H quản lý để tự nguyện bồi thường thiệt hại và sẵn sàng thực hiện khi có yêu cầu hoặc quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Tại Bản Cáo trạng số 64/CT-VKSKV3 ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Hải Phòng đã truy tố bị cáo Lê Thị Kim O phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 33/2026/HS-ST ngày 05 tháng 2 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hải Phòng đã quyết định:

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Lê Thị Kim O phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt:

Bị cáo Lê Thị Kim O 24 (hai mươi tư) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 (bốn mươi tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Hải Phòng giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị hại bà Nguyễn Thị L kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không cho bị cáo Lê Thị Kim O hưởng án treo mà chuyển sang hình phạt tù có thời hạn. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị hại bà Nguyễn Thị L không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ mới làm căn cứ để HĐXX xem xét kháng cáo của mình.

Kiểm sát viên trình bày ý kiến về việc giải quyết kháng cáo như sau:

Bị hại kháng cáo trong thời hạn luật định, đúng thủ tục nên đơn kháng cáo của bị hại bà Nguyễn Thị L là hợp pháp, được chấp nhận. Nội dung kháng cáo của bị hại là đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không cho bị cáo Lê Thị Kim O hưởng án treo mà chuyển sang hình phạt tù có thời hạn. Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đã tuyên đối với bị cáo là phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo; bị cáo O có nơi cư trú rõ ràng, ổn định, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo để bị cáo cải tạo ngoài xã hội cũng đảm bảo tính răn đe của pháp luật. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị

hại không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới làm căn cứ để HĐXX xem xét kháng cáo của mình nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị hại bà Nguyễn Thị L, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo Lê Thị Kim O.

Về án phí: Bị hại bà Nguyễn Thị L là người cao tuổi nên được miễn án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Đơn kháng cáo của bị hại bà Nguyễn Thị L đã đúng thủ tục, trong thời hạn luật định, đúng với quy định tại các Điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên đơn kháng cáo của bị hại là hợp pháp, được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

- Xét kháng cáo của bị hại bà Nguyễn Thị L:

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng: Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 30/6/2025, tại nhà số D Đ, phường H, thành phố Hải Phòng, Lê Thị Kim O đã có hành vi dùng tay kéo ngã bà Nguyễn Thị L, gây chấn thương vùng vai trái, trật khớp vai trái, đứt cơ trên gai vai trái, gây tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể bị hại 13%. Vì vậy, hành vi của bị cáo O đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại Điều 134 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt: Bị cáo có hành vi gây tổn thương 13% cơ thể của bị hại bà Nguyễn Thị L sinh ngày 22/8/1947 (đến thời điểm bị O gây thương tích là 77 tuổi 10 tháng 08 ngày), có bệnh lý nền đái tháo đường, cao huyết áp, phải theo dõi, điều trị thường xuyên tại cơ sở y tế nên bị cáo phạm tội theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo tự nguyện bồi thường toàn bộ số tiền theo đề nghị của bị hại, có bố đẻ là thương binh, được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhất nên cần áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về mức hình phạt đối với bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội. Xét bị cáo là người cao tuổi, nhân thân chưa có tiền án tiền sự; có nơi cư trú rõ ràng, ổn định, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ nên không cần thiết phải áp dụng hình

phạt tù cách ly đối với bị cáo mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo để bị cáo cải tạo ngoài xã hội và giao bị cáo cho gia đình giám sát giáo dục theo Điều 65 Bộ luật Hình sự cũng đảm bảo tính răn đe của pháp luật.

Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị hại bà Nguyễn Thị L kháng cáo đề nghị Toà án cấp phúc thẩm không cho bị cáo O hưởng án treo mà chuyển sang hình phạt tù có thời hạn nhưng không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ gì mới để làm căn cứ xét kháng cáo cho mình. Tại bản án sơ thẩm bị hại bà Nguyễn Thị L yêu cầu bị cáo O bồi thường thiệt hại tổng số tiền là 96.000.000 đồng. Ngày 07 tháng 4 năm 2026, bị cáo O đã nộp cho Toà án cấp phúc thẩm biên lai thể hiện bị cáo đã nộp số tiền 96.000.000 đồng bồi thường cho bị hại theo Biên lai thu tiền số 0001454 ngày 06 tháng 4 năm 2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Như vậy, về trách nhiệm bồi thường dân sự bị cáo O đã bồi thường đầy đủ cho bị hại bà L.

[7] Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm. Hội đồng xét xử nhận thấy mức hình phạt của Tòa án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo O là phù hợp với tính chất, mức độ đối với hành vi phạm tội của bị cáo nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị hại bà Nguyễn Thị L; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 33/2026/HS-ST ngày 05 tháng 2 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hải Phòng về hình phạt đối với bị cáo O.

[8] Về án phí: Bị cáo Lê Thị Kim O là người cao tuổi nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm. Kháng cáo không được chấp nhận nhưng bị hại bà Nguyễn Thị L là người cao tuổi nên được miễn án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Không chấp nhận kháng cáo của bị hại bà Nguyễn Thị L; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 33/2026/HS-ST ngày 05 tháng 2 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hải Phòng về hình phạt đối với bị cáo O;

2. Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Lê Thị Kim O phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt:

Bị cáo Lê Thị Kim O 24 (hai mươi tư) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 (bốn mươi tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Thị Kim O cho Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 45, điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự: Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đối với bị cáo kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Lê Thị Kim O phải bồi thường cho bị hại bà Nguyễn Thị L số tiền là 96.000.000 (Chín mươi sáu triệu) đồng. Bị cáo O đã bồi thường số tiền 96.000.000 đồng cho bị hại theo Biên lai thu tiền số 0001454 ngày 06 tháng 4 năm 2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Bị cáo đã bồi thường đủ số tiền trên cho bị hại.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về án phí:

Bị cáo Lê Thị Kim O là người cao tuổi nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Bị hại bà Nguyễn Thị L là người cao tuổi nên được miễn án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 33/2026/HS-ST ngày 05 tháng 2 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hải Phòng không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND TP Hải Phòng;
- THADS TP Hải Phòng;
- VKSND khu vực 3 - Hải Phòng;
- PV06 Công an TP Hải Phòng;
- Cơ quan THAHS CATP HP;
- Phòng THADS khu vực 3 - Hải Phòng;
- TAND khu vực 3 - Hải Phòng;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Giang